

Số: /2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi đối với một số hoạt động của các chương trình mục tiêu quốc gia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 241/TTr-SLĐTB&XH ngày 31/12/2024; Báo cáo thẩm định số 708/BC-STP ngày 31/12/2024 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi đối với một số hoạt động của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động-TBXH;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế- Bộ LĐ-TB&XH;
- Vụ Pháp chế- Bộ NN&PTNT;
- Vụ Pháp chế- Ủy ban Dân tộc;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban KT-NS, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở, ban, ngành;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX, Bắc.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

QUY ĐỊNH

Điều kiện, nội dung, mức cho vay để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi đối với một số hoạt động của các chương trình mục tiêu quốc gia
(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi đối với một số hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi chung là các chương trình mục tiêu quốc gia) trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo.
- Cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều kiện vay vốn

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo:
 - Được thành lập và hoạt động hợp pháp.
 - Có dự án vay vốn khả thi để thực hiện một trong các hoạt động sau: sản xuất, kinh doanh tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở; phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch được Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi thực hiện dự án xác nhận.

c) Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

2. Đối với cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia:

a) Cư trú hợp pháp tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

c) Có nhu cầu vay vốn, có dự án vay vốn khả thi để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở được Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi thực hiện dự án xác nhận.

Điều 4. Nội dung cho vay vốn

1. Phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở.

2. Hỗ trợ phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn:

a) Phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm:

- Đầu tư sản xuất, nuôi trồng các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Đầu tư, mở rộng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Đầu tư thiết bị, máy móc, công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Đầu tư nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Đầu tư trung tâm, cửa hàng, điểm trưng bày, giới thiệu và mua bán sản phẩm bao gồm biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

b) Duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống.

c) Phát triển du lịch nông thôn:

- Đầu tư phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp trên địa bàn nông thôn thuộc tỉnh.

- Xây dựng, sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ phát triển du lịch nông thôn.

Điều 5. Mức cho vay

1. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, mức vay tối đa là 02 tỷ đồng/dự án.

2. Đối với người lao động, hộ gia đình mức vay tối đa là 100 triệu đồng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị-xã hội

1. Cơ quan chuyên môn Tài chính - Kế hoạch: Cân đối nguồn ngân sách địa phương đối ứng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, đảm bảo theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định quản lý điều hành ngân sách địa phương.

2. Các cơ quan thường trực các chương trình mục tiêu quốc gia: Hàng năm tổng hợp chung kết quả triển khai nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia được giao gửi cơ quan chuyên môn Tài chính - Kế hoạch tổng hợp.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Hướng dẫn về thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, điều kiện đảm bảo tiền vay, nghiệp vụ, quy trình, thủ tục cho vay theo quy định, đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, công khai, minh bạch. Thực hiện cho vay đúng đối tượng, đúng nguyên tắc, đúng mục đích theo quy định tại Quyết định.

b) Tổng hợp, thẩm định các đối tượng đủ điều kiện được vay vốn theo quy định này, xây dựng kế hoạch nguồn vốn gửi các cơ quan thường trực các chương trình mục tiêu quốc gia và cơ quan chuyên môn Tài chính - Kế hoạch tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát việc cho vay, sử dụng vốn vay theo quy định; định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo kết quả hỗ trợ cho vay vốn về các cơ quan thường trực các chương trình mục tiêu quốc gia; kịp thời báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

4. Các sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đúng theo nội dung tại quy định này.

5. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội: Phối hợp với Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức tuyên truyền, phối hợp trong công tác quản lý vốn, triển khai cho vay đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố, thị xã

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Tổ chức triển khai chính sách, tuyên truyền để mọi người dân, tổ chức nắm bắt được nội dung của chính sách.

b) Chỉ đạo thực hiện rà soát, xác định đối tượng, rà soát nhu cầu vốn, tổng hợp xây dựng kế hoạch nhu cầu nguồn vốn hàng năm báo cáo cơ quan chuyên môn Tài chính - Kế hoạch, các cơ quan thường trực chương trình mục tiêu quốc gia làm căn cứ thẩm định, dự toán kinh phí ngân sách hàng năm.

c) Cân đối nguồn ngân sách địa phương đối ứng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ủy thác qua phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố, thị xã, đảm bảo theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định quản lý điều hành ngân sách địa phương.

d) Thực hiện chế độ báo cáo kết quả triển khai chính sách này hàng quý, hàng năm về cơ quan chuyên môn Tài chính - Kế hoạch và các cơ quan thường trực các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố, thị xã

a) Tổng hợp, thẩm định các đối tượng đủ điều kiện được vay vốn theo quy định này, đề xuất nhu cầu vốn vay hàng năm trình Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã xem xét, quyết định.

b) Thực hiện cho vay đúng đối tượng, đúng nguyên tắc, đúng mục đích theo quy định tại Quyết định. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm với chính quyền địa phương và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm việc rà soát, xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay.

2. Phối hợp với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố, thị xã tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

3. Phối hợp với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố, thị xã xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn, hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì áp dụng các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về các cơ quan thường trực các chương trình mục tiêu quốc gia và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định cho phù hợp./.